

**Biểu số 3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2022**

**CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI AN HẢI**
0200288219

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-TLA

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi An Hải là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, chủ sở hữu là UBND thành phố Hải Phòng. Công ty được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình trong hệ thống thủy lợi liên tỉnh An Kim Hải thuộc địa giới hành chính Hải Phòng; dịch vụ tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và cung cấp nguồn nước thô cho các nhà máy nước sản xuất nước sạch phục vụ dân sinh Thành phố. Ngoài nhiệm vụ chính trị Công ty tham gia đấu thầu và nhận thầu thi công các công trình tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 2022, thực hiện Quyết định phê duyệt của UBND thành phố về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển; Quyết định của UBND thành phố về phân bổ kinh phí cho dịch vụ công ích thủy lợi và các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố. Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị và kết quả cơ bản thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch UBND thành phố giao và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước, cụ thể:

- Sản phẩm chủ yếu sản xuất:

+ Diện tích tưới cho cây trồng và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản: Công ty không ngừng phối kết hợp với các địa phương trong công tác tưới tiêu nước kịp thời cho nhân dân sản xuất, mặt khác tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả. Năm 2022 một số địa phương thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phù hợp với các mô hình kinh tế nên tổng diện tích giảm 1.140 ha so với kế hoạch.

+ Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị tăng 587,81 ha do thu hồi đất làm dự án tại xã An Hồng 29,11ha; 558,7ha do nhân dân bỏ ruộng không canh tác.

+ Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp: Cung cấp nguồn nước thô cho Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng, Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng, Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3, Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và các nhà máy nước mi ni trên địa bàn sản xuất nước sạch phục vụ dân

sinh Thành phố. Khối lượng nước năm 2022 đã tăng so với kế hoạch 176.243 m³, tương ứng bằng 100,27% so kế hoạch.

+ Tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao: Giai đoạn 2019-2023, Công ty đã xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác nhưng chưa được phê duyệt giá nên sản phẩm này Công ty chưa ký được hợp đồng với các đơn vị theo kế hoạch.

- Tổng doanh thu: Doanh thu tăng 1,68 tỷ đồng, bằng 101,4% so kế hoạch và chủ yếu từ hoạt động xây dựng cơ bản.

- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế tăng 0,17 tỷ đồng, bằng 104,77% so kế hoạch, phần lợi nhuận tăng chủ yếu từ hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh XDCB.

- Lợi nhuận sau thuế: Sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty tính toán phân bổ cho các quỹ theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế tăng 0,08 tỷ đồng, bằng 102,5% so kế hoạch.

- Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước: Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về thuế, các khoản mục thuế đã phát sinh và đã nộp Nhà nước như thuế GTGT đầu ra, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế khác với tổng số thuế đã nộp tăng 0,02 tỷ đồng, bằng 101% so kế hoạch.

- Tổng số lao động: Căn cứ Thông tư 26,27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 với chỉ tiêu đạt được Công ty đã xây dựng số lao động kế hoạch là 194 người, nhưng với mục tiêu đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động nên Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm lao động và tăng năng suất lao động nên thực tế năm 2022 lao động là 189 người giảm 05 lao động, bằng 97,42% so kế hoạch.

- Tổng quỹ tiền lương: Tổng quỹ tiền lương tăng 0,01 tỷ đồng, bằng 100,05% so kế hoạch.

(Chi tiết tại Bảng số 1)

2. Thuận lợi, khó khăn

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải nhận được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng; sự kết phối hợp của các sở, ban, ngành Thành phố; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện An Dương trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Thực hiện Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 06/05/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 đã tạo tiền đề và cơ sở để Công ty tiếp tục triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm. Đồng thời Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, cơ chế chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển doanh nghiệp. Cán bộ, CNLĐ

trong Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cùng với yếu tố thuận lợi trên, Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên nhiên và tác động của biến đổi khí hậu. Địa bàn hoạt động của Công ty rộng, phân tán; tình hình phát triển đô thị hóa nhanh dẫn đến nhiều vụ vi phạm Luật Thủy lợi, phá vỡ hệ thống công trình thủy lợi, gây ách tắc hoặc làm mất tác dụng tưới, tiêu của một số công trình kênh, mương đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tưới, tiêu, cấp nước và công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình.

- Thực hiện các Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của UBND thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 phê duyệt danh mục vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và danh mục công trình thủy lợi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình đầu mối khởi đầu trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Công ty gặp không ít khó khăn trong công tác bố trí sắp xếp lại lao động; quản lý vận hành và bảo trì các công trình.

- Đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc kéo dài thời hạn áp dụng Quyết định 18/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND thành phố quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng, nên đơn giá không đổi so với các văn bản đã được ban hành. Mặt khác, tổng diện tích phục vụ thực hiện năm 2022 giảm 1.140 ha chủ yếu do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, một số địa phương năng suất cây trồng thấp, sâu bệnh, dân bỏ ruộng không canh tác...đã làm doanh thu giảm 3.640 triệu đồng.

- Đơn giá sản phẩm, dịch vụ cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp năm 2022 chưa được phê duyệt. Do đó, Công ty tạm tính đơn giá theo quy định tại Công văn số 2418/UBND-MT ngày 04/5/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thu nộp thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác nước, giá sản phẩm dịch vụ khác đối với các doanh nghiệp khai thác sử dụng tài nguyên nước.

- Công ty không ký được hợp đồng sản phẩm tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao vì đơn giá chưa được phê duyệt nên Công ty không có doanh thu từ sản phẩm này.

- Trong quý 1/2022 dịch covid 19 đã tác động đến nền kinh tế, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, công tác tìm kiếm việc làm gặp nhiều khó khăn.

- Một số nội dung của bộ định mức KTKT theo Quyết định 1890/2012/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng không còn phù hợp. Theo

chỉ đạo của UBND thành phố và Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng, Công ty đã sửa đổi bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, nay đang trong thời gian thẩm định.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Diện tích tưới cho cây trồng và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản	Ha	10.041,58	8.901,39	
b)	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	Ha	6.212,05	6.799,86	
c)	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	m3	66.200.000	66.376.243	
d)	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	Ha	1.200		
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	120	121,68	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,5	3,67	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,2	3,28	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	2,1	2,12	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)				
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	194	189	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	20,50	20,51	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,77	1,57	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	18,73	18,94	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

